

Số: 1834/HD-UBND

Hà Giang, ngày 07 tháng 9 năm 2018

HƯỚNG DẪN

**Thực hiện Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018
của HĐND tỉnh về việc hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lao động
hợp đồng tự nguyện thôi việc, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu**

Thực hiện Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 của HĐND tỉnh Hà Giang về việc hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng tự nguyện thôi việc, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND); Công văn số 155/HĐND-VP ngày 03/8/2018 của Thường trực HĐND tỉnh về việc đính chính Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 của HĐND tỉnh Hà Giang;

Trên cơ sở Thông báo số 200/TB-UBND ngày 06/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết luận phiên họp thường kỳ tháng 7 năm 2018; xét đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 451/TTr-SNV ngày 23/8/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND như sau:

I. Các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được thôi việc ngay, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu theo Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND (không bao gồm cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh)

1. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được thôi việc ngay quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 của HĐND tỉnh, gồm:

- 1.1. Cán bộ, công chức từ cấp tỉnh đến cấp xã theo Luật Cán bộ, công chức;
- 1.2. Công chức được cấp có thẩm quyền điều động sang giữ chức danh chuyên trách Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký (nếu có) ở Hội đặc thù cấp tỉnh, huyện;
- 1.3. Viên chức (gồm cả viên chức giữ chức vụ quản lý) trong các đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị tự chủ 100%);
- 1.4. Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp.

2. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 của HĐND tỉnh, cụ thể:

- 2.1. Cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện theo Luật Cán bộ, công chức;
- 2.2. Cán bộ cấp xã;

2.3. Công chức được cấp có thẩm quyền điều động sang giữ chức danh chuyên trách Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký (nếu có) ở Hội đặc thù cấp tỉnh, huyện;

2.4. Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị tự chủ 100%);

2.5. Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

2.6. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các Điểm 2.1, 2.2, 2.3, 2.4, 2.5 Khoản 2 Mục I Hướng dẫn này phải có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên.

3. Đối với các trường hợp đủ điều kiện thôi việc ngay và đủ điều kiện nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu thì được lựa chọn một trong hai hình thức là thôi việc ngay hoặc nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu.

4. Ưu tiên áp dụng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện sắp xếp, tổ chức lại bộ máy hoặc tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hoặc sắp xếp lại nhân sự để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Ngoài ra, trường hợp nêu tại Khoản 2 Mục I Hướng dẫn này, thực hiện theo thứ tự sau: Ưu tiên các trường hợp có thời gian nghỉ công tác còn từ đủ 01 năm, sau đó đến trường hợp còn từ đủ 02 năm và cuối cùng là trường hợp còn từ đủ 03 năm sẽ đến tuổi nghỉ hưu theo quy định.

II. Mức hỗ trợ và chế độ bảo hiểm xã hội

1. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thôi việc ngay quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 của HĐND tỉnh, thì được hưởng các chế độ quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 của HĐND tỉnh, như sau:

1.1. Được tính hỗ trợ một lần với mức 500.000 đồng/01 tháng làm việc (*tương đương 6.000.000 đồng/năm làm việc có đóng bảo hiểm xã hội*), nhưng tối đa không quá 150.000.000 đồng/người.

1.2. Ngoài mức hỗ trợ nêu trên, còn được hưởng một trong các chế độ theo quy định của Trung ương như sau:

a) Đối với cán bộ, công chức được hưởng trợ cấp thôi việc theo quy định tại Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 của Chính phủ như sau:

Cứ mỗi năm làm việc được tính bằng 1/2 (một phần hai) tháng lương hiện hưởng, gồm: Mức lương theo ngạch, bậc, phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề và hệ số chênh lệch bảo lưu lương (nếu có);

b) Đối với viên chức được hưởng trợ cấp thôi việc theo quy định tại Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ, cụ thể:

- Trợ cấp thôi việc đối với thời gian công tác của viên chức từ ngày 31/12/2008 trở về trước được thực hiện theo quy định tại Điểm a, b, c, d Khoản 1 Điều 39 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ như sau: Cứ mỗi năm làm việc được tính bằng 1/2 (một phần hai) tháng lương hiện hưởng, gồm: Mức lương theo chức danh nghề nghiệp, phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề và hệ số chênh lệch bảo lưu lương (nếu có). Mức trợ cấp thấp nhất bằng 01 (một) tháng lương hiện hưởng;

+ Trường hợp viên chức được tuyển dụng trước ngày 01/7/2003, thời gian làm việc được tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian làm việc (cộng dồn) kể từ khi viên chức có quyết định tuyển dụng đến hết ngày 31/12/2008;

+ Trường hợp viên chức được tuyển dụng từ ngày 01/7/2003 trở về sau, thời gian làm việc được tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian làm việc theo hợp đồng làm việc (cộng dồn) kể từ khi viên chức có quyết định tuyển dụng đến hết ngày 31/12/2008.

- Được hưởng trợ cấp thất nghiệp đối với thời gian công tác có đóng bảo hiểm thất nghiệp của viên chức từ tháng 01/2009 đến khi nghỉ việc;

+ Điều kiện, mức hưởng, thủ tục hồ sơ: Thực hiện theo quy định tại Luật việc làm ngày 16/11/2013 và các văn bản hướng dẫn Luật;

+ Trách nhiệm giải quyết, chi trả trợ cấp thất nghiệp: Do Trung tâm Dịch vụ việc làm thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội tỉnh thực hiện theo quy định.

1.3. Thời gian tính hưởng trợ cấp thôi việc theo Nghị định số 46/2010/NĐ-CP và Nghị định số 29/2012/NĐ-CP của Chính phủ, nếu có tháng lẻ được tính như sau:

a) Dưới 03 (ba) tháng thì không tính;

b) Từ đủ 03 (ba) tháng đến đủ 06 (sáu) tháng thì được tính bằng $\frac{1}{2}$ (một phần hai) năm làm việc;

c) Từ trên 06 (sáu) tháng đến 12 (mười hai) tháng thì được tính bằng (một) năm làm việc.

1.4. Ví dụ: Ông Nguyễn Văn A là công chức, có tổng cộng 17 năm (204 tháng) công tác có đóng bảo hiểm xã hội, lương hiện hưởng 3,99 thì tổng mức trợ cấp của ông A được hưởng như sau:

- Hỗ trợ theo Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 của HĐND tỉnh: 204 tháng x 500.000 đồng/tháng = 102.000.000 đồng;

- Trợ cấp thôi việc hưởng theo Nghị định 46/2010/NĐ-CP, như sau:

+ Lương hiện hưởng của ông A: $3,99 \times 1.390.000 = 5.546.100$ đồng.

+ Trợ cấp thôi việc được hưởng: $17 \times 5.546.100 \times 1/2 = 47.141.850$ đồng.

- Tổng số tiền (gồm hỗ trợ của tỉnh và trợ cấp thôi việc) ông A được hưởng là:
 $102.000.000 + 47.141.850 = \mathbf{149.141.850 \text{ đồng}}$ (Một trăm bốn mươi chín triệu một trăm bốn mươi một nghìn tám trăm năm mươi đồng).

2. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 của HĐND tỉnh (Nữ từ đủ 52 tuổi đến đủ 54 tuổi; Nam từ đủ 57 tuổi đến đủ 59 tuổi), thì được hưởng chế độ quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND của HĐND tỉnh như sau:

Được tính hỗ trợ hưởng nguyên mức lương chức vụ hoặc lương theo ngạch, bậc, phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề, mức chênh lệch bảo lưu lương (nếu có) và được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; được nâng bậc lương thường xuyên. Hằng năm, căn cứ vào điều kiện thực tế và chỉ tiêu tinh giản biên chế của các cơ quan, đơn vị, UBND tỉnh sẽ xem xét cắt giảm hoặc điều chỉnh biên chế cho phù hợp.

3. Chế độ bảo hiểm xã hội: Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nghỉ thôi việc ngay hoặc nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, được lựa chọn hưởng chính sách bảo hiểm xã hội (nếu đủ điều kiện) theo quy định tại Luật bảo hiểm xã hội ngày 20/11/2014, như sau:

- a) Hưởng lương hưu theo quy định tại Điểm b, c, d Khoản 1 Điều 54;
- b) Hưởng lương hưu với mức thấp hơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 55;
- c) Hưởng bảo hiểm xã hội một lần theo quy định tại Điều 60;
- d) Bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều 61;
- đ) Tiếp tục tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc hoặc tự nguyện.

III. Quy trình thực hiện và thủ tục hồ sơ

1. Cá nhân có đơn tự nguyện xin nghỉ (theo Mẫu đính kèm) gửi cơ quan, đơn vị quản lý (trong đơn phải có ý kiến của lãnh đạo đơn vị trực tiếp sử dụng như Phòng, ban, chi cục, trung tâm, trường học.v.v...).

2. Bộ phận tham mưu về công tác cán bộ: Tiếp nhận đơn, tổng hợp, tính toán các chế độ được hưởng và hoàn thiện hồ sơ, báo cáo lãnh đạo cơ quan, đơn vị để tổ chức họp xét.

3. Hội đồng thẩm định chính sách tinh giản biên chế của cơ quan, đơn vị tổ chức họp xét, hoàn thiện hồ sơ gửi Hội đồng thẩm định chính sách tinh giản biên chế tỉnh (Sở Nội vụ- cơ quan thường trực Hội đồng).

3.1. Thành phần hồ sơ gồm:

- a) Công văn đề nghị do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị ký;

- b) Đơn của cá nhân (theo mẫu đính kèm);
- c) Biên bản họp xét của cơ quan, đơn vị;
- d) Biểu tổng hợp danh sách và nhu cầu kinh phí chi trả cho đối tượng nghỉ theo Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND của HĐND tỉnh (theo Mẫu số 01,02 đính kèm);
- đ) Bản ghi xác nhận quá trình tham gia công tác của cơ quan BHXH;
- e) Bản sao (chứng thực) các giấy tờ sau: Sổ bảo hiểm xã hội; Quyết định tuyển dụng; Bản hợp đồng làm việc lần đầu (đối với lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP); Quyết định công nhận hết thời gian tập sự; Quyết định lương, phụ cấp, mức chênh lệch bảo lưu (nếu có); Quyết định bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý; Quyết định phê chuẩn kết quả bầu cử của cấp có thẩm quyền (đối với chức danh bầu cử).

3.2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ (gửi Sở Nội vụ 01 bộ và lưu tại cơ quan, đơn vị 01 bộ).

Cơ quan, tổ chức, đơn vị trình đề nghị giải quyết cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nghỉ theo Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND của HĐND tỉnh phải chịu trách nhiệm về hồ sơ của từng trường hợp (nếu kiểm tra, phát hiện sai sót, hoặc không đúng sẽ bị xử lý trách nhiệm theo quy định hiện hành).

4. Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định chính sách tinh giản biên chế tỉnh (Sở Nội vụ - cơ quan Thường trực): Tổ chức thẩm định, trình Hội đồng của tỉnh họp xét.

5. Trên cơ sở kết quả họp xét của Hội đồng thẩm định chính sách tinh giản biên chế tỉnh, Sở Nội vụ phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu trình xin ý kiến của cấp có thẩm quyền đối với các chức danh cán bộ, công chức, viên chức diện tinh giản.

6. Sau khi có ý kiến của cấp có thẩm quyền, Sở Nội vụ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy tổng hợp, tham mưu trình cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt danh sách cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thôi việc, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu theo Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND của HĐND tỉnh theo phân cấp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

7. Căn cứ vào quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền, Sở Tài chính trình UBND tỉnh cấp kinh phí cho các cơ quan, đơn vị và cấp huyện để chi trả mức hỗ trợ cho đối tượng theo quy định.

8. Căn cứ vào quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị ban hành quyết định giải quyết thôi việc, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu cho từng trường hợp theo thẩm quyền và phân cấp quản lý cán bộ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

IV. Thời gian nộp hồ sơ và công tác thẩm định của Hội đồng thẩm định chính sách tinh giản biên chế tỉnh

1. Thời gian nhận hồ sơ

a) Định kỳ chậm nhất ngày 20 của tháng cuối quý, các cơ quan, đơn vị gửi hồ sơ của các đối tượng nghỉ thôi việc, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu của quý sau liền kề về Sở Nội vụ để thẩm định, báo cáo Hội đồng thẩm định chính sách tinh giản biên chế của tỉnh xét, duyệt và trình UBND tỉnh quyết định.

b) Riêng năm 2018: Các đối tượng nghỉ từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/12/2018 thì các cơ quan, đơn vị gửi hồ sơ về Sở Nội vụ chậm nhất ngày 30/9/2018.

2. Thời gian họp Hội đồng thẩm định chính sách tinh giản biên chế của tỉnh: Họp định kỳ mỗi quý một lần (vào cuối quý) để xét, duyệt các đối tượng đủ điều kiện nghỉ thôi việc, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu trình cấp có thẩm quyền quyết định. Riêng năm 2018, họp trong tháng 10/2018.

Căn cứ Hướng dẫn này, các sở, cơ quan ngang sở, các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh; các Ban xây dựng Đảng Tỉnh ủy, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; các Huyện ủy, Thành ủy và UBND các huyện, thành phố kịp thời phổ biến, quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý, đồng thời lãnh đạo, chỉ đạo triển khai và tổ chức thực hiện theo quy định (UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm tổ chức, triển khai Hướng dẫn này tới UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn). Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh về Sở Nội vụ để giải đáp hoặc tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (để B/c);
- Thường trực HĐND (để B/c);
- Đoàn đại biểu Quốc hội Khóa XIV tỉnh Hà Giang;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban Xây dựng Đảng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND và các Ban HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, CV NCTH, Phòng HCTC, Trung tâm TT-CB (để đăng CB, CTT);
- Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đảng ủy Khối cơ quan, Doanh nghiệp tỉnh;
- Thành ủy, Huyện ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- Báo Hà Giang, Đài PT-TH tỉnh (để tuyên truyền);
- VNPT ioffice;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Thôi việc/ngỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu theo nguyện vọng
và hưởng chế độ hỗ trợ theo Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND
ngày 10/7/2018 của HĐND tỉnh Hà Giang**

Kính gửi:.....(ghi tên cơ quan, đơn vị quản lý).....

1. Tên tôi là..... (nam/nữ).....
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quê quán (xã, huyện, tỉnh):.....
4. Chức danh, chức vụ hiện nay:.....
5. Cơ quan, đơn vị công tác:
6. Năm tuyển dụng (ghi ngày, tháng, năm theo Quyết định tuyển dụng của cơ quan có thẩm quyền)
7. Vị trí việc làm đang đảm nhiệm:.....
8. Trình độ chuyên môn được đào tạo.....chuyên ngành.....

Tôi tự nguyện làm Đơn này, đề nghị:.....(ghi tên cơ quan/đơn vị).....
xem xét cho tôi được **thôi việc/ngỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu** theo nguyện
vọng và hưởng chế độ hỗ trợ theo Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày
10/7/2018 của HĐND tỉnh Hà Giang.

- Thời gian nghỉ: Từ ngày.....tháng.....năm.....

- Nơi nghỉ (tổ, thôn, xã, phường, thị trấn, huyện, tỉnh).....

Tôi cam đoan chấp hành đầy đủ các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh, cơ quan, đơn vị, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao cho đến thời điểm được cấp có thẩm quyền giải quyết chế độ theo quy định. Trước khi nghỉ công tác, tôi có trách nhiệm hoàn thành mọi thủ tục và thực hiện bàn giao công việc, tiền, tài sản được cơ quan, đơn vị giao quản lý (nếu có) cho cơ quan, đơn vị theo đúng quy định và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc tự nguyện xin thôi việc/ngỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu theo nội dung trong đơn.

Trân trọng đề nghị cơ quan, cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết./.

**Ý kiến của Thủ trưởng
cơ quan/đơn vị quản lý**
(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

**Ý kiến của cơ quan/đơn vị
trực tiếp sử dụng**
(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

Người đề nghị
(Ký tên, họ và tên)

Đồng

Đồng

[illegible]

**TỔNG HỢP DANH SÁCH VÀ NHU CẦU KINH PHÍ CHI TRẢ CHO ĐỐI TƯỢNG NGHỈ CÔNG TÁC CHỜ ĐỦ TUỔI NGHỈ HƯU
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 16/2018/NQ-HĐND CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

Đơn vị tính: Đồng

[illegible]